|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ THẬP****TỔ: NGỮ VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quận 7, Ngày 31 tháng 10 năm 2021* |

**NỘI DUNG HỌC SINH HỌC TẬP TRONG TUẦN LỄ 11 VÀ 12**

**(từ ngày 15/11 đến 27/11/2021)**

**TUẦN 11**

**BÀI: CÂU GHÉP**

**I. ĐẶC ĐIỂM CỦA CÂU GHÉP**

**Ví dụ**

Tôi // đang đọc sách còn em trai tôi // đang xem phim hoạt hình.

CN1             VN1                         CN2                             VN2

- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V này được gọi là một vế câu.

**II. CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU:**

**Có hai cách nối về câu**

***- Dùng từ có tác dụng nối:***

+ Nối bằng một quan hệ từ.

+ Nối bằng một cặp quan hệ từ.

+ Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).

***- Không dùng từ nối:***

Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

**HẾT.**

**BÀI: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN THUYẾT MINH**

**I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ VĂN THUYẾT MINH**

***1. Khái niệm***: Văn thuyết minh là kiểu văn bản thường gặp trong mọi lĩnh vực của đời sống; có chức năng cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,…của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giới thiệu, giải thích.

***2. Yêu cầu:***

- Về nội dung: Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi phải khách quan, xác thực, thực dụng, hữu ích cho mọi người.

- Về hình thức: Ngôn ngữ trong văn bản thuyết minh cần được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn.

***3. Bố cục:***

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng cần thuyết minh.

- Thân bài: Trình bày các đặc điểm có tính chất khách quan khoa học về đối tượng; giải thích nguyên nhân, nguồn gốc, cấu tạo, liệt kê các bộ phận cấu thành, các chủng loại,… của đối tượng và công dụng của nó.

- Kết bài: Đánh giá về đối tượng với khả năng, vai trò ứng dụng của nó trong thực tế.

**HẾT.**

**BÀI: ÔN DỊCH, THUỐC LÁ**

**I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

- Nguyễn Khắc Viện (1913 – 1997)

- Là giáo sư, bác sĩ.

**2. Tác phẩm**

*a, Xuất xứ:*

- Văn bản được trích trong bài viết “Từ thuốc lá đến ma túy - bệnh nghiện”.

*b, Bố cục:* 4 phần

- Phần 1: Từ đầu → nặng hơn cả AIDS: Thuốc lá đã trở thành ôn dịch

- Phần 2: Tiếp theo → phạm pháp: Tác hại của thuốc lá

- Phần 3: Còn lại: Kêu gọi chống lại ôn dịch thuốc lá

*c, Kiểu văn bản:* Văn bản nhật dụng

*d, PTBĐ:* nghị luận + thuyết minh

II. **Đọc - hiểu văn bản**

**1. Giới thiệu về nạn dịch thuốc lá**

- Dịch hạch, thổ tả khiến hàng triệu người chết.

- Cuối thế kỉ XX, xuất hiện những ôn dịch khác.

- Nạn AIDS.

- Ôn dịch thuốc lá ... nặng hơn cả AIDS

+ NT: nêu vấn đề trực tiếp, sử dụng biện pháp so sánh, lời văn ngắn gọn, dễ hiểu, từ ngữ chuyên ngành y học.

***=> Cảnh báo hiểm họa to lớn của thuốc lá với đời sống con người.***

**2. Tác hại của thuốc lá**

***a, Đối với người hút***

- Khói thuốc gây ho hen, viêm phế quản

- Chất ô-xit các-bon → Sức khỏe giảm sút

- Chất hắc ín → 80% ung thư vòm họng, ung thư phổi.

- Chất ni-cô-tin → huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim.

***b, Đối với người xung quanh***

- Gây ô nhiễm môi trường sống.

- Nhiễm độc những người xung quanh.

***c, Đối với kinh tế - xã hội:***

- Làm gương xấu cho trẻ em.

- Ảnh hưởng đến nhân cách.

- Là con đường dẫn đến phạm pháp.

- Gây tốn kém tiền bạc.

- Giảm giờ công lao động.

- Nghệ thuật:

+ Liệt kê, so sánh, phân loại, nêu ví dụ.

+ Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

+ Từ ngữ, câu văn thể hiện thái độ của người viết

***Thuốc lá có hại cho sức khỏe cộng đồng, suy giảm đạo đức, gia tăng tệ nạn xã hội.***

**3. Lời kêu gọi chống thuốc lá**

- Cấm hút nơi công cộng;

- Phạt tiền;

- Cấm quảng cáo thuốc lá;

- Tuyên truyền các khẩu hiệu, tài liệu.

→ *Số người hút giảm hẳn*

- Nghệ thuật: thuyết minh bằng cách nêu ví dụ, số liệu thống kê, so sánh độc đáo.

*- Kêu gọi: Mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.*

**HẾT.**

**TUẦN 12**

**CÂU GHÉP (TT)**

**I. QUAN HỆ Ý NGHĨA GIỮA CÁC VẾ CÂU**

- Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là:

+ Quan hệ nguyên nhân

+ Quan hệ điều kiện (giả thiết)

+ Quan hệ tương phản

+ Quan hệ tăng tiến

+ Quan hệ lựa chọn

+ Quan hệ bổ sung

+ Quan hệ tiếp nối

+ Quan hệ đồng thời

+ Quan hệ giải thích.

- Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

2. Ví dụ

+ Quan hệ nguyên nhân:

Hôm nay tôi không thể đi cùng bạn được vì trời đang mưa rất to.

+ Quan hệ điều kiện (giả thiết):

Nếu đạt giả trong kì thi này, mẹ sẽ thưởng cho tớ một chiếc xe đạp.

+ Quan hệ tương phản:

Tuy bị ốm nhưng Nga vẫn đến trường học với các bạn.

+ Quan hệ tăng tiến:

Mưa càng to, lũ càng dâng cao.

+ Quan hệ lựa chọn:

Bạn thích màu xanh hay màu vàng?

+ Quan hệ bổ sung:

Bạn Chi không những vẽ đẹp mà bạn còn hát rất hay.

+ Quan hệ tiếp nối:

Tôi vừa về đến nhà thì em tôi lại xách cặp đi học.

+ Quan hệ đồng thời:

Chẳng những học giỏi, mà Tuấn còn rất tốt bụng với các bạn trong lớp.

+ Quan hệ giải thích:

Em rửa bát nhanh lên, mẹ sắp về rồi đấy!

**HẾT.**

**PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH**

**I. Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh**

**1. Quan sát, học tập, tích lũy tri thức để làm bài văn thuyết minh**

          Muốn có tri thức để làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh, nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng, để tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng.

**2. Phương pháp thuyết minh**

          Để bài văn thuyết minh có tính thuyết phục, dễ hiểu, sáng tỏ, người ta có thể sử dụng nhiều phương pháp thuyết minh:

*- Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích*: Sử dụng kiểu câu trần thuật có từ “*là*” nhằm giới thiệu, giải thích hoặc định nghĩa về sự vật, hiện hượng, vấn đề nào đó.

- *Phương pháp liệt kê*: Liệt kê các măt, các phương diện, các phần, các tính chất,… của đối tượng theo một trình tự nhất định nhằm cung cấp cho người đọc, người nghe cái nhìn toàn cảnh về đối tượng một cách khách quan.

- *Phương pháp nêu ví dụ*: Đưa ra các ví dụ thực tiễn, sinh động chính xác và cụ thể, có tác dụng thuyết phục cao, làm cho người đọc (nghe) tin cậy.

- *Phương pháp dùng số liệu (con số):* Dùng những con số có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề nhanh nhất, thực tế nhất mà lại có sức thuyết phục nhất về đặc điểm nào đó của đối tượng, về vai trò nào đó của đối tượng.

*- Phương pháp so sánh:* Sự so sánh đối tượng; khía cạch của đối tượng,… với những cái gần gũi, cụ thể giúp cho người nghe (đọc) tiếp cận vấn đề nhanh, cụ thể, sáng rõ bởi nó dễ hiểu.

- *Phương pháp phân loại, phân tích*: Đối với những loại sự vật, đối tượng đa dạng, người ta chia ra từng loại, từng phần theo đặc điểm đối tượng thuyết minh để trình bày. Như vậy sẽ mang tính khách quan, đầy đủ, dễ theo dõi đối với người đọc (nghe).

***3. Các yếu tố đan xen của phương thức biểu đạt khác:***

- *Một số biện pháp nghệ thuật:*

          Để văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, chúng ta có thể sử dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật. Bởi vì các biện pháp nghệ thuật thích hợp sẽ góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.

          Một số biện pháp nghệ thuật thường dùng  trong văn bản thuyết minh là: kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hoá, các hình thức vè và diễn ca,…Thông thường hơn cả là các phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh để khơi gợi sự cảm thụ về đối tượng thuyết minh.

- *Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh:*

          Yếu tố miêu tả là những yếu tố của hiện thực khách quan trong đời sống. Chứng có hình ảnh, đường nét, màu sắc, âm thanh, hình khối, hương vị,… rất cụ thể mà giác quan con người có thể cảm nhận được. Yếu tố miêu tả thường dược sử dụng trong văn bản nghệ thuật để xây dựng hình tượng nghệ thuật.

 Để thuyết minh cho cụ thể sinh động, hấp dẫn, bài thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả. Bởi vì yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.

**6. Một số ví dụ về đề văn thuyết minh**

- Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

- Thuyết minh về đồ vật trong gia đình

- Thuyết minh về một thể loại văn học....

**HẾT.**